TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2021
V/v: "Ly hôn"
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hùynh Ngọc Sơn
Ông Phạm Văn Vũ
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1979 (Chị Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 44/4 ấp Bình Khánh, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Bé B, sinh năm: 1978 (Vắng mặt không có lí do)

Nơi cư trú: Số nhà 43/2 ấp Phú Lợi, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Chị và anh Lê Văn Bé B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2002. Khi sống chung chị và anh Bé B có một con chung tên Lê Ngọc Dung, sinh ngày 04/12/2000 hiện cháu Dung đã trưởng thành.

Cuộc sống hôn nhân của chị và anh Bé B không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, bắt đầu từ khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do anh Bé B thường xuyên đi nhậu về chửi mắng, có vài lần đánh đập, hành hạ chị, gia đình bên chồng không can ngăn mà còn bênh vực anh Bé B mỗi lần vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 2 năm 2020 chị về nhà mẹ ruột sinh sống ly thân anh Bé B từ đó cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Bé B, chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Lê Ngọc D, sinh ngày 04/12/2000 hiện cháu D đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng anh Lê Văn Bé B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Văn Bé B không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Đ. Chị Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Lê Ngọc D, sinh ngày 04/12/2000 đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Đ trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Đ thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc anh Lê Văn Bé B vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Bé B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh Bé B vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Bé B theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Lê Văn Bé B kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị Đ và anh Bé B có thời gian sống chung hạnh phúc thì khoảng năm 2019 đã phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Đ cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, anh Bé B thường xuyên đi nhậu về chửi mắng, có vài lần đánh đập, hành hạ chị, gia đình bên anh Bé B không can ngăn mà còn bênh vực anh Bé B mỗi lần vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 14/4/2021 của Tòa án đối với ông Lê Văn Bích, sinh năm 1951 là cha ruột anh Bé B thì ông Bích cho biết là giữa chị Đ và anh Bé B có mâu thuẫn trong cuộc sống nên từ khoảng năm 2020 đã không còn sống chung nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Đ và anh Bé B bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhiều lần ông nhận được Thông báo, giấy triệu tập của Tòa án đối với anh Bé B. Ông có chuyển giao lại cho anh Bé B đầy đủ, đúng thời gian quy định như đã cam kết nhưng anh Bé B không đến Tòa án theo nội dung Tòa án đã thông báo và triệu tập. Điều đó chứng tỏ anh Bé B không còn tha thiết tình cảm vợ chồng với chị Đ, không muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh Bé B đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Bé B là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Lê Ngọc Dung, sinh ngày 04/12/2000 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Đ trình bày không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Đ trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Đ phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Đ. Chị Đ được ly hôn với anh Lê Văn Bé B.

Chị Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Lê Ngọc D, sinh ngày 04/12/2000 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Đ trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đ trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005647 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Phú Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Phương